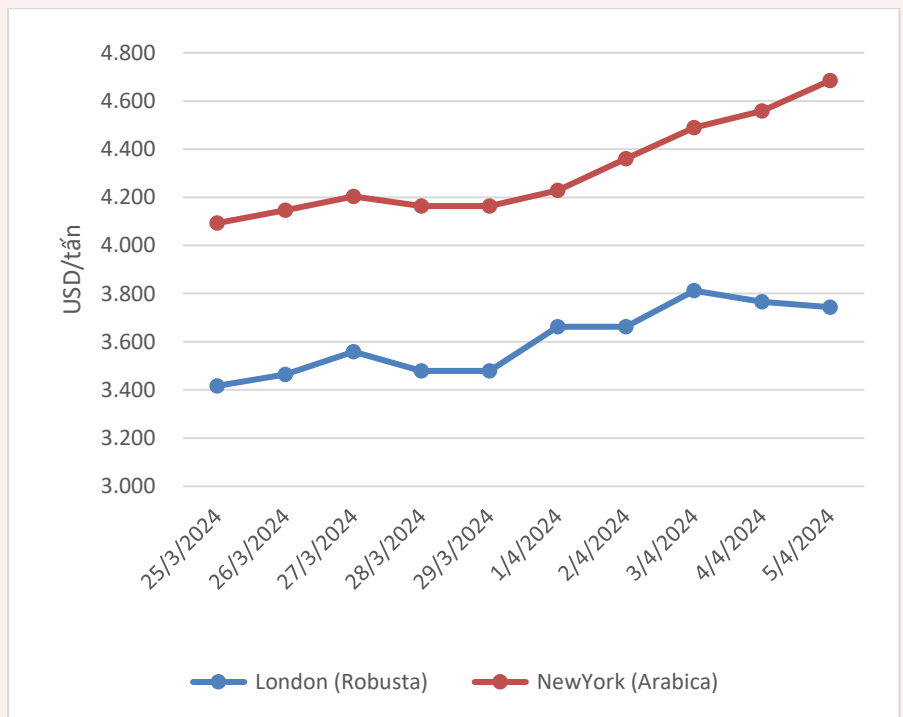




ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 5/2024 tại thị trường London đạt mức bình quân 3.730 USD/tấn, tăng 7,18% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2024 tại thị trường New York đạt mức bình quân 4.464 USD/tấn, tăng 7,47% so với tuần trước.
- ❖ Theo tổ chức cà phê Quốc tế ICO, tháng 2/2024, xuất khẩu cà phê toàn cầu đạt 10,43 triệu bao, tăng 9,56% so với cùng kỳ năm trước.
- ❖ Theo Chính phủ Brazil, tháng 3/2024, xuất khẩu cà phê xanh đạt 3,4 triệu bao, tăng 27,37% so với cùng kỳ năm trước

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Tuần 13 (từ 01-05/04/2024), giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 05/2024 tại thị trường London đạt 3.730 USD/tấn, tăng 7,18% so với tuần trước và tăng 70,5% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.812USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.663 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2024 bình quân đạt 4.464 USD/tấn, tăng 7,47% so với mức giá tuần trước, và tăng 17,6% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.685 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.228 USD/tấn. [1]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ QUỐC TẾ

Xuất khẩu cà phê thế giới

Theo tổ chức cà phê Quốc tế ICO, tháng 2/2024, xuất khẩu cà phê toàn cầu đạt 10,43 triệu bao, tăng 9,56% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng niên vụ 2023/2024 (từ tháng 10/2023 đến tháng 9/2024), xuất khẩu cà phê toàn cầu đạt 50,82 triệu bao, tăng 11,7% so với niên vụ 2022/2023.[2]

ICO dự báo nguồn cung cà phê toàn cầu trong niên vụ 2023/2024 đạt 178 triệu bao. Tiêu thụ cà phê toàn cầu trong niên vụ này đạt 177 triệu bao, tăng 2,25% so với niên vụ trước. Tiêu thụ cà phê toàn cầu tăng do lượng tiêu thụ nội địa tại các thị trường sản xuất chính như Việt Nam, Indonesia tăng. [2]

Brazil

Theo Chính phủ Brazil, trong tháng 3/2024, xuất khẩu cà phê xanh đạt 3,4 triệu bao, tăng 27,37% so với cùng kỳ năm trước. [2]

Colombia

Theo liên đoàn cà phê Quốc gia Colombia, sản lượng cà phê của Colombia trong tháng 3/2024 đạt 67 nghìn bao, tăng 8,38% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu niên vụ 2023/2024 (10/2023-3/2024), sản lượng cà phê của quốc gia này đạt 6,44 triệu bao, tăng 14,66% so với cùng kỳ năm trước. [2]

Về xuất khẩu, khối lượng cà phê xuất khẩu của Colombia trong tháng 3 năm 2024 đạt 1,01 triệu bao, tăng 11,36% so với tháng 3 năm 2023. Lũy kế 6 tháng đầu của niên vụ 2023/2024 (10/2023-3/2024), khối lượng cà phê Colombia xuất khẩu đạt 6,05 triệu bao, tăng 2,51% so với cùng kỳ năm trước. [2]

Châu Âu

Theo số liệu từ Eurostat, năm 2023, EU nhập khẩu cà phê (mã HS 0901) 4,05 triệu tấn, trị giá 20,79 tỷ USD; giảm 9% về lượng, 10,2% về giá trị

so với năm 2022. Nguyên nhân khiến Liên minh châu Âu (EU) giảm nhập khẩu cà phê trong năm 2023 là do nền kinh tế suy thoái, lạm phát duy trì ở mức cao khiến người dân thắt chặt chi tiêu. [2]

Theo Liên đoàn Cà phê châu Âu, EU có mức tiêu thụ cà phê bình quân đầu người cao nhất thế giới, mặc dù mức tiêu thụ tại các thị trường thành viên khác nhau. Quy mô thị trường cà phê châu Âu dự tính đạt 47,88 tỷ USD vào năm 2024 và dự báo sẽ đạt 58,14 tỷ USD vào năm 2029, tăng trưởng bình quân 3,96% trong giai đoạn 2024 - 2029.[3]

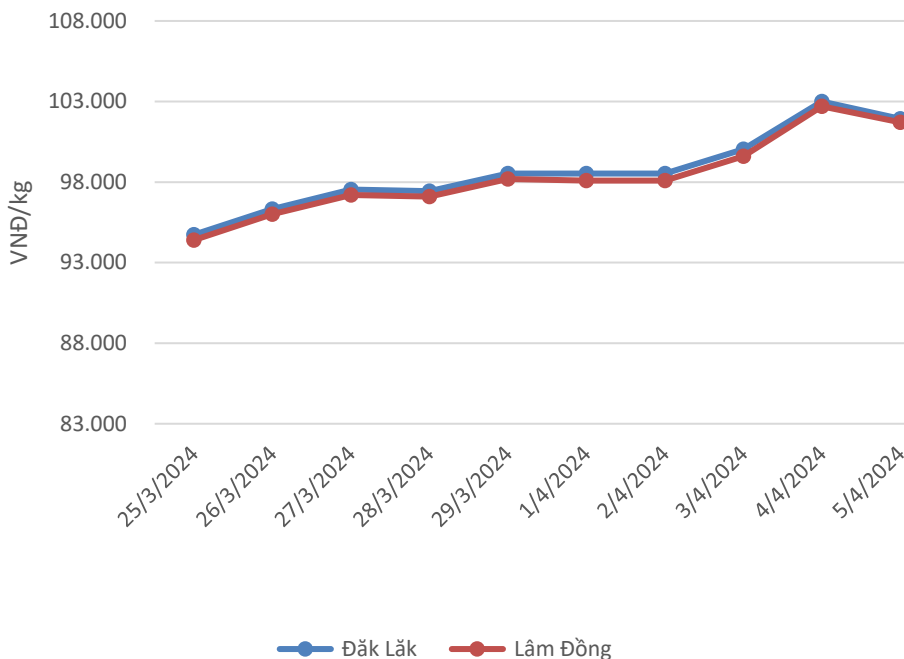
Congo

Nespresso đang xây dựng kế hoạch hỗ trợ 20 triệu USD để phát triển ngành cà phê tại Cộng hòa Dân chủ nhân dân Congo vào năm 2026. Nội dung hỗ trợ của dự án gồm: (1) hỗ trợ về giá; (2) hỗ trợ về kỹ thuật; (3) xây dựng các dự án cộng đồng; (4) hỗ trợ để giúp nông dân tiếp cận thị trường cà phê toàn cầu.[4]

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng trong tuần này. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 100.407 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 100.040 VNĐ/kg.
- ❖ Theo Tổng cục Thống kê, Quý I/2024, Việt Nam xuất khẩu 799.000 tấn cà phê, với kim ngạch xuất khẩu đạt 1,9 tỷ USD; tăng hơn 44% về lượng và 54% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023
- ❖ Việt Nam lần đầu xuất khẩu khoảng 40 tấn cà phê nhân hữu cơ sang thị trường Nhật Bản.
- ❖ Theo Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng, năm 2023, giá trị xuất khẩu cà phê của tỉnh đạt 205 triệu USD.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này tiếp tục tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 100.407 VNĐ/kg, tăng 3,6% so với tuần trước (tăng 3.493 VNĐ/kg), và tăng 103,53% so với cùng kỳ năm 2023. Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 100.040 VNĐ/kg, tăng 3,58% so với tuần trước (tăng 3.460 VNĐ/kg), và tăng 104,16% so với cùng kỳ năm trước. [5]

Theo chủ tịch Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam, giá cà phê tăng cao do (1) sản lượng cà phê trong nước giảm, dự kiến giảm 10% so với niên vụ trước; (2) sự thao túng của một số nhà đầu tư tài chính trên sàn giao dịch cà phê thế giới.[6]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

Tình hình xuất khẩu cà phê Việt Nam

Theo Tổng cục Thống kê, Quý I/2024, Việt Nam xuất khẩu 799.000 tấn cà phê, với kim ngạch xuất khẩu đạt 1,9 tỷ USD; tăng hơn 44% về lượng và 54% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Kim ngạch xuất khẩu cà phê đã lập kỷ lục lịch sử, trở thành mặt hàng nông sản xuất khẩu tăng trưởng mạnh nhất trong quý đầu năm 2024. [7]

Theo Hiệp hội Cà phê - cacao Việt Nam, sản lượng xuất khẩu cà phê Việt Nam niên vụ 2023/2024 có thể giảm tới 20% so với niên vụ 2022/2023 do thời tiết khô hạn làm giảm năng suất. Khí hậu khô và nhiệt độ cao trong những năm gần đây đã ảnh hưởng tiêu cực đến sản lượng cà phê của Việt Nam và dẫn đến nguồn cung trong nước giảm giảm. [7]

Việt Nam xuất khẩu lô cà phê hữu cơ đầu tiên sang Nhật Bản

Ngày 19/3/2024, tại Gia Lai, 2 container với khối lượng khoảng 40 tấn cà phê nhân hữu cơ của Công ty TNHH Vĩnh Hiệp đã chính thức lên đường xuất khẩu chính ngạch sang thị trường Nhật Bản.[8]

Năm 2016, Vĩnh Hiệp đã đầu tư chuyển đổi 42 ha đất canh tác cà phê truyền thống sang mô hình hữu cơ tiêu chuẩn USDA của Mỹ. Trải qua quá trình phát triển và cập nhật các tiêu chuẩn, đến năm 2022, doanh nghiệp triển khai đàm phán với đối tác Nhật Bản. Sau 2 năm đàm phán, lô hàng cà phê hữu cơ đầu tiên của Việt Nam đã chính thức được xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản với giá bán cao hơn cà phê thông thường 35%.[8]

Đắk Nông

Huyện Krông Nô là 1 trong những vùng trọng điểm cà phê của tỉnh Đắk Nông với hơn 25.000ha, trong đó diện tích cà phê cho thu hoạch đạt 23.000ha. Năng suất trung bình của cà phê huyện Krông Nô đạt từ 2,7 - 2,9 tấn/ha. Tuy nhiên trong niên vụ 2023/2024, năng suất cà phê của huyện giảm 20 - 30% so với các niên vụ trước vì ảnh hưởng của điều kiện thời tiết bất lợi. Tổng sản lượng cà phê toàn huyện Krông Nô giảm xuống còn khoảng 48.000 tấn. [9]

Lâm Đồng

Theo Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng, cà phê là mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của tỉnh Lâm Đồng. Năm 2023, giá trị xuất khẩu cà phê của tỉnh đạt 205 triệu USD. Thụy Sĩ là thị trường nhập khẩu cà phê lớn nhất của tỉnh Lâm Đồng trong năm 2023 với kim ngạch đạt hơn 101 triệu

USD; tiếp đến là Nhật Bản đạt 10,15 triệu USD; Hàn Quốc đạt 9,87 triệu USD; Indonesia đạt 8,44 triệu USD và Mexico đạt 7,76 triệu USD. [10]

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://www.investing.com/>
2. iandmsmith.com
3. nongnghiep.vn
4. gcrmag.com
5. Cộng tác viên cà phê khu vực Tây Nguyên
6. nongnghiep.vn
7. congthuong.vn
8. nld.com.vn
9. baodaknong.vn
10. baodaknong.vn

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	98.100	98.100	99.600	102.700	101.700	100.040	3.460
Di Linh	98.100	98.100	99.600	102.700	101.700	100.040	3.460
Lâm Hà	98.100	98.100	99.600	102.700	101.700	100.040	3.460
Bảo Lộc	98.100	98.100	99.600	102.700	101.700	100.040	3.460
ĐẮK LẮK	98.533	98.533	100.033	103.000	101.933	100.407	3.493
Cư M'gar	98.600	98.600	100.100	103.000	102.000	100.460	3.480
Ea H'leo	98.500	98.500	100.000	103.000	101.900	100.380	3.500
Buôn Hồ	98.500	98.500	100.000	103.000	101.900	100.380	3.500
ĐẮK NÔNG	98.650	98.650	100.150	103.150	102.150	100.550	3.530
Gia Nghĩa	98.700	98.700	100.200	103.200	102.200	100.600	3.560
Đắk R'lấp	98.600	98.600	100.100	103.100	102.100	100.500	3.500
GIA LAI	98.533	98.533	100.033	103.000	101.933	100.407	3.573
Chư Prông	98.600	98.600	100.100	103.000	102.000	100.460	3.560
Pleiku	98.500	98.500	100.000	103.000	101.900	100.380	3.580
La Grai	98.500	98.500	100.000	103.000	101.900	100.380	3.580
KON TUM	98.500	98.500	100.000	103.000	102.000	100.400	3.560
Đắk Hà	98.500	98.500	100.000	103.000	102.000	100.400	3.560

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn